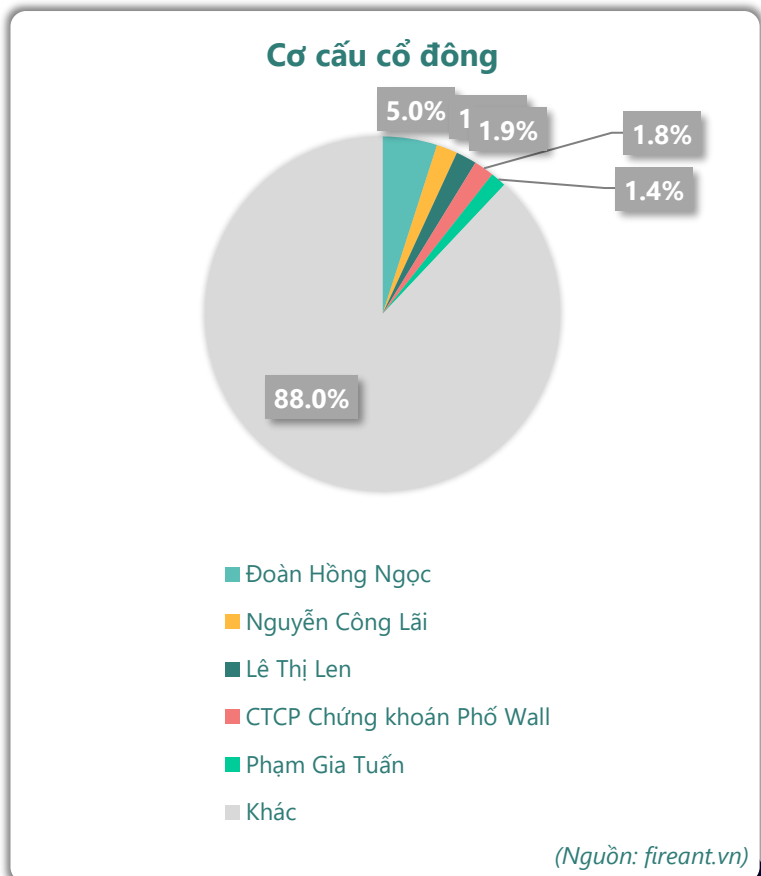
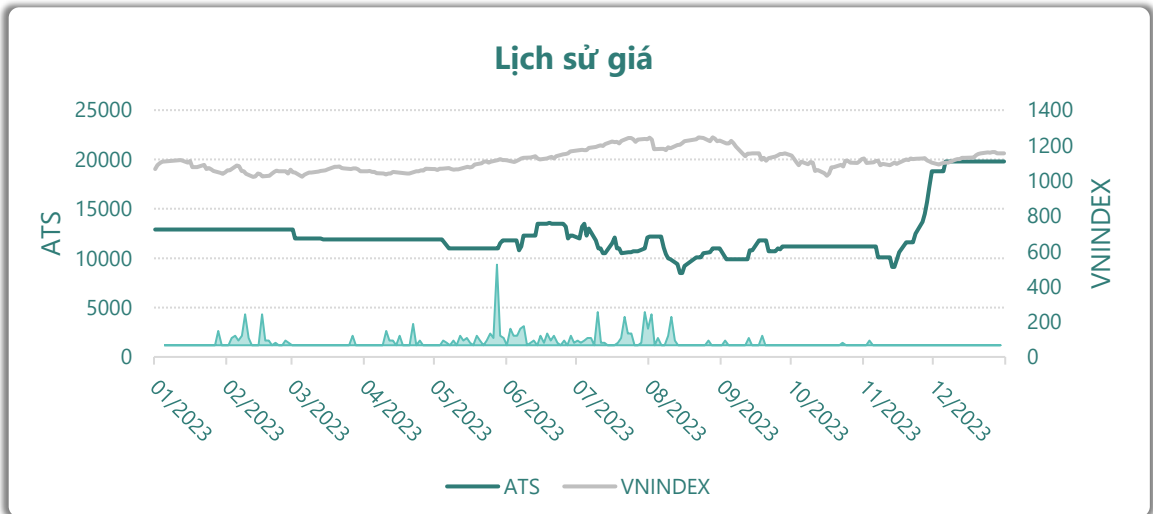
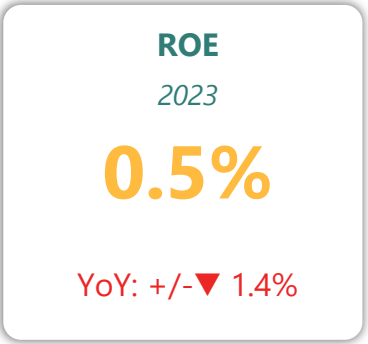
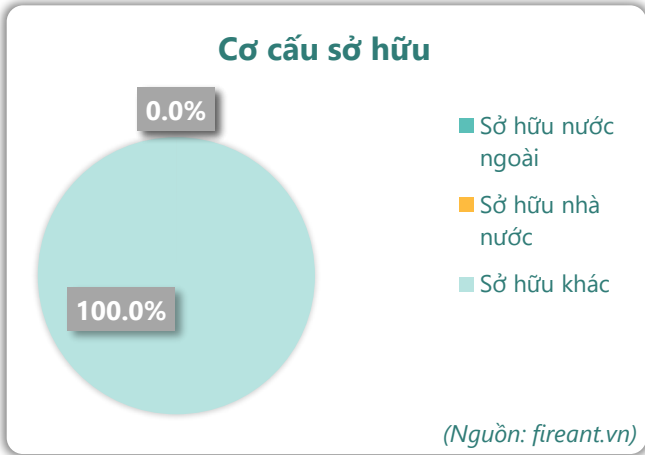


CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 4/2023

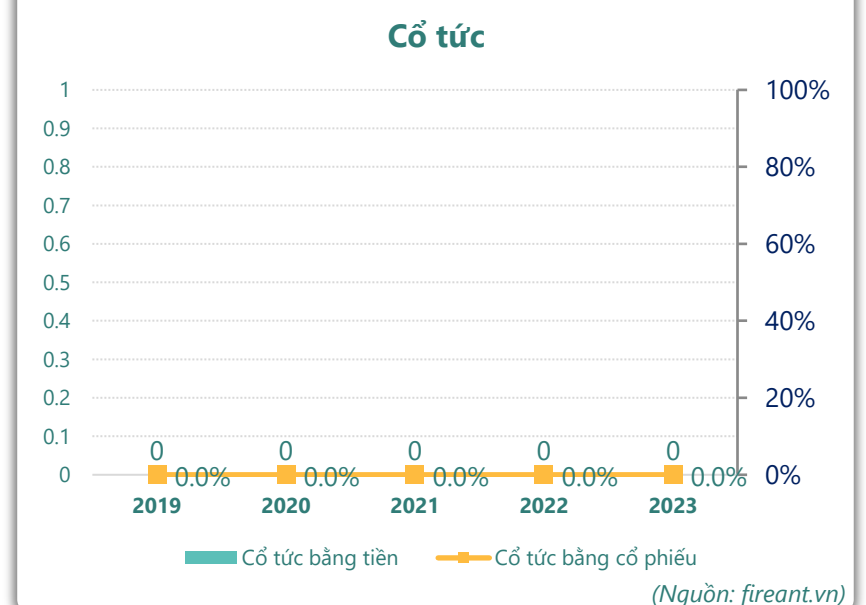
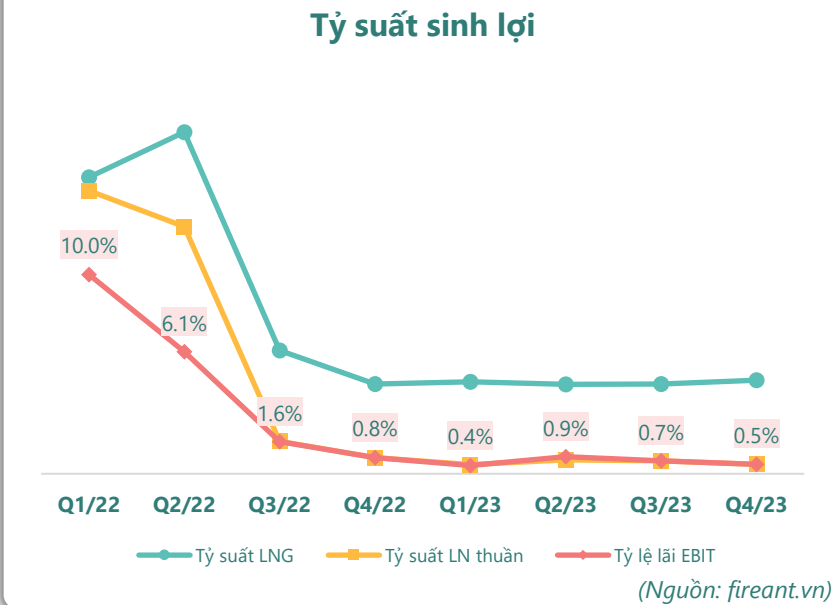
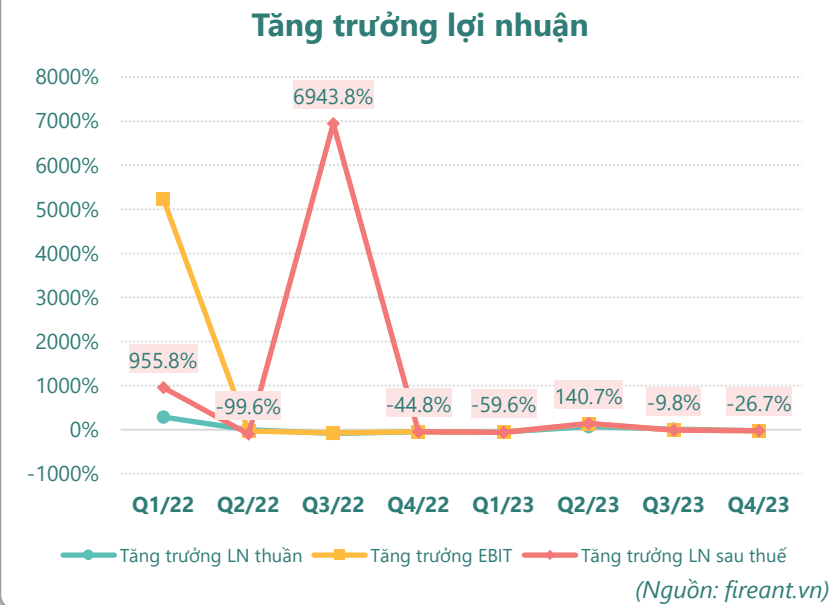
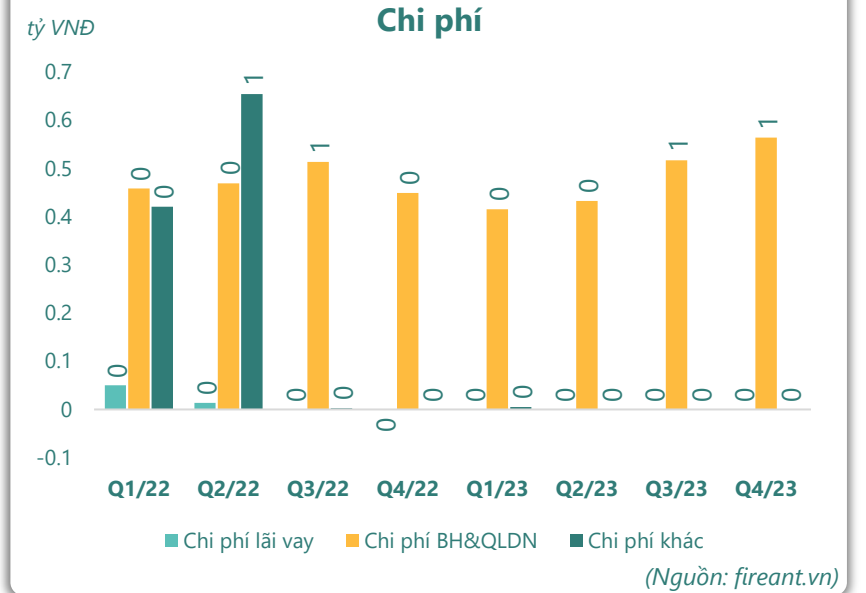
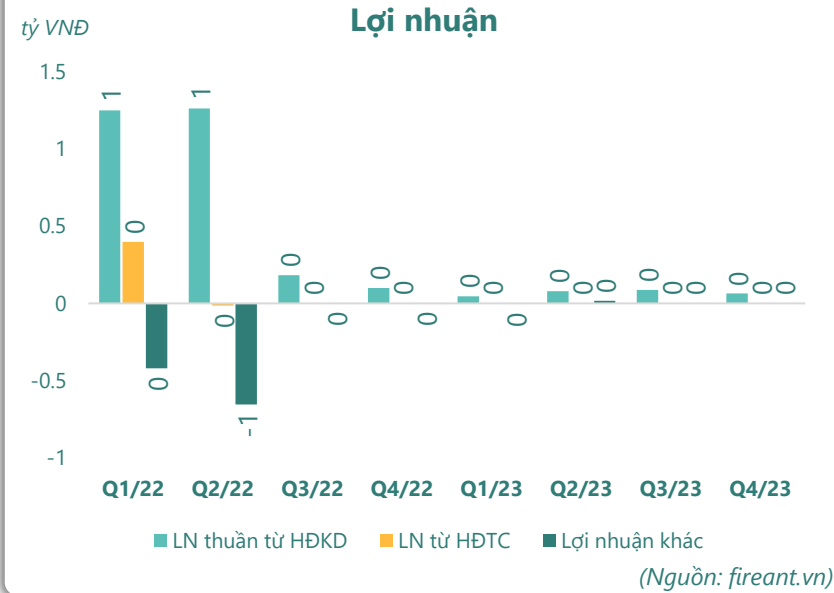
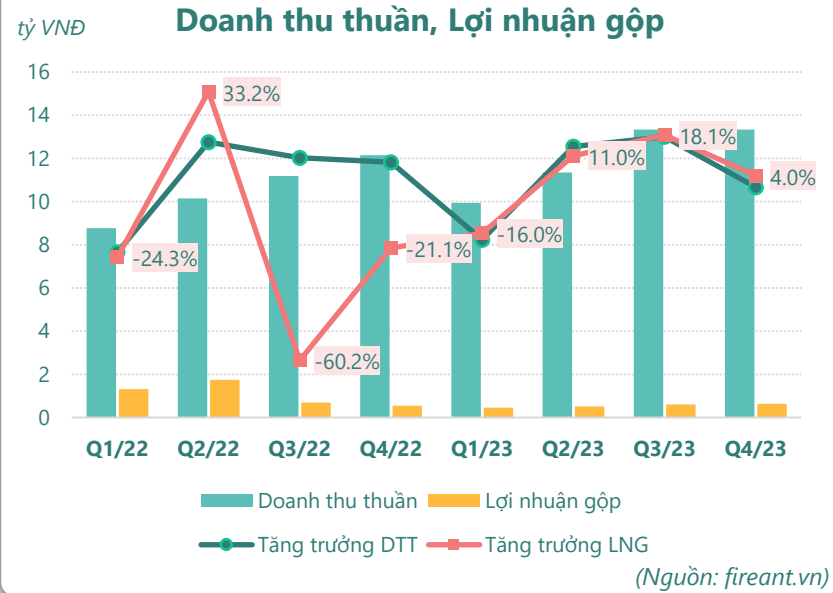
CTCP Tập đoàn Dược phẩm Atesco

Ngày 15/01/2024	19,800 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	5.3%	76.8%	61.0%

Sàn giao dịch	HNX
Khoảng giá 52 tuần	8,500 - 19,800
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	69
Số lượng CPLH (CP)	3,500,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	30
Sở hữu nước ngoài	0.0%
Beta	(0.02)
EPS	66
P/E	300.2



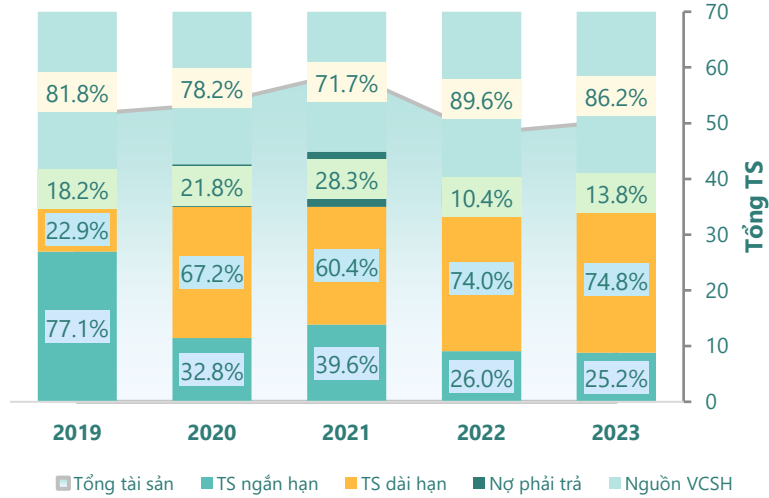
KẾT QUẢ KINH DOANH



TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

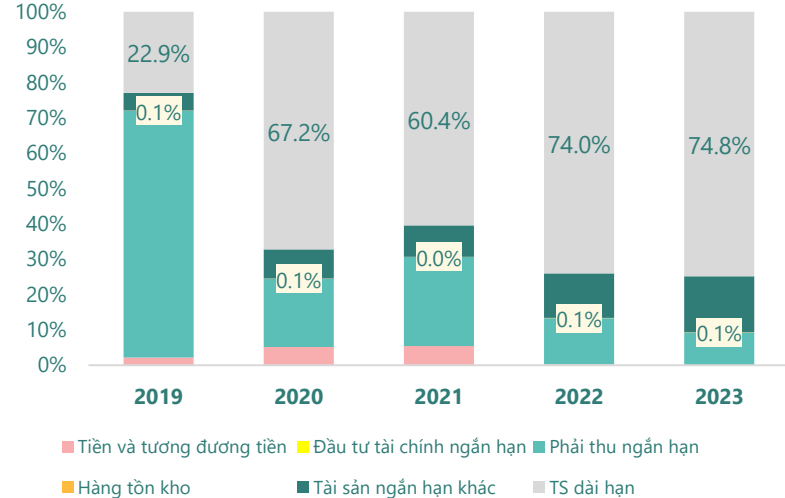
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

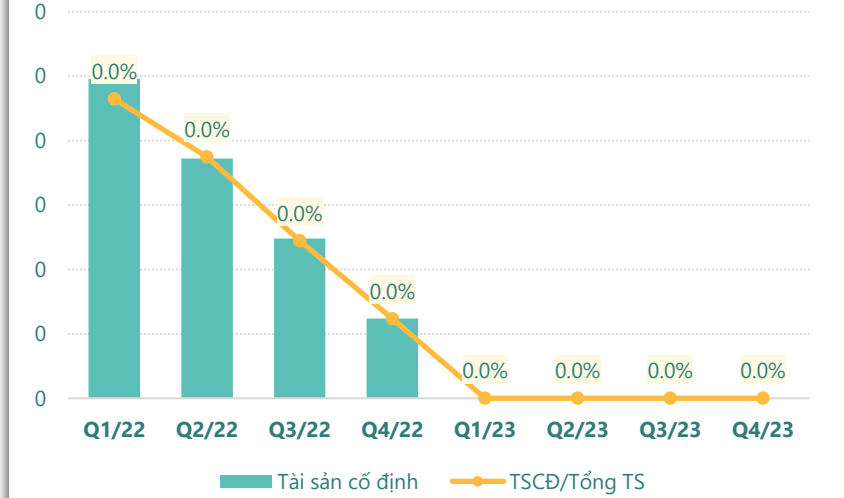
Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

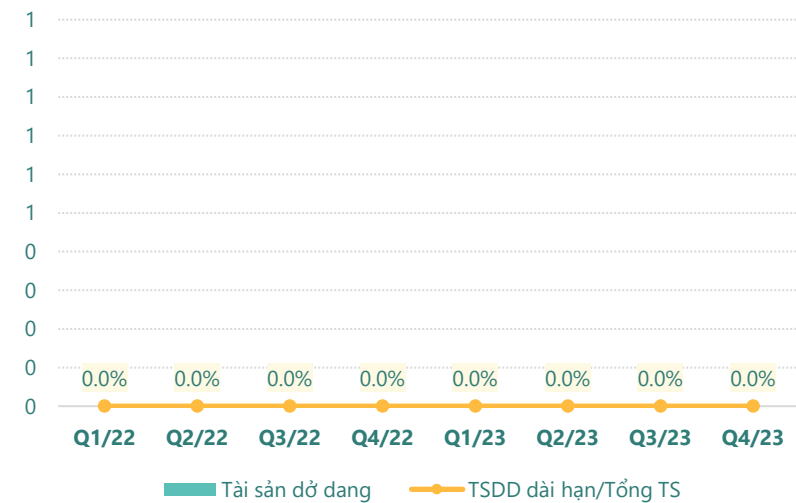
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

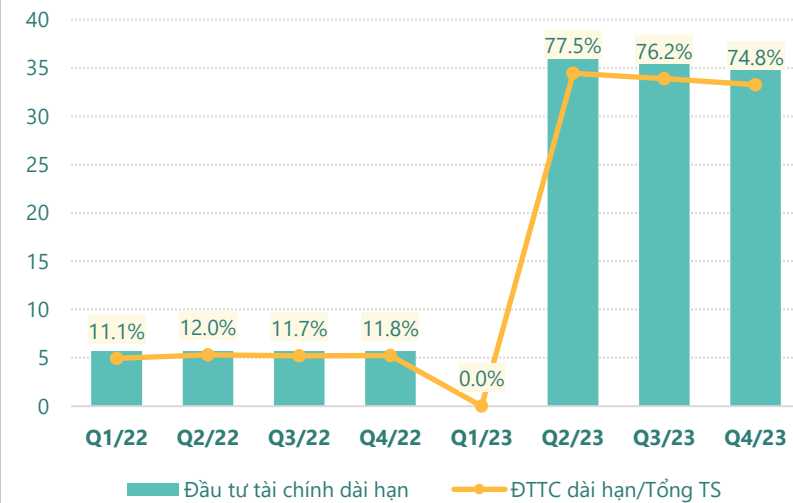
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

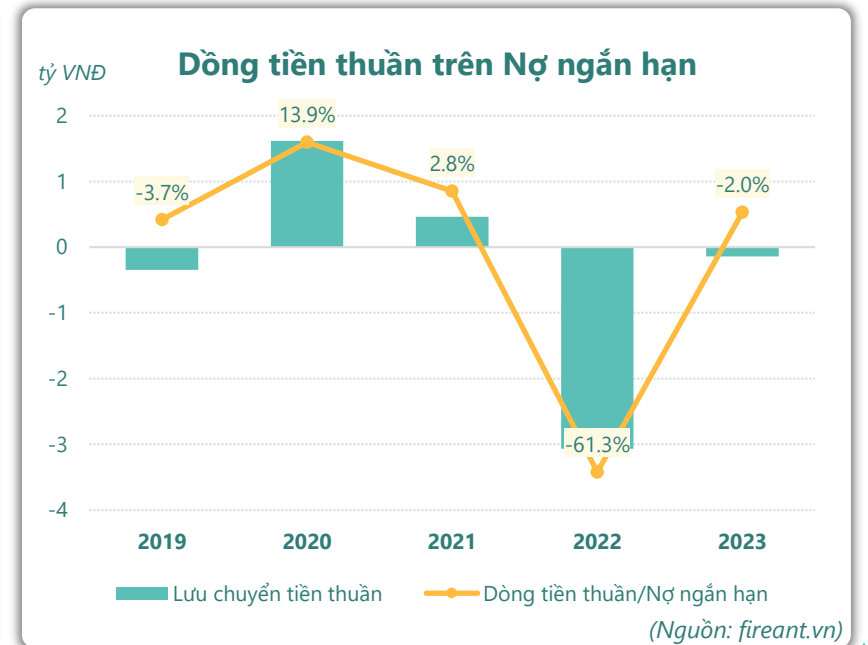
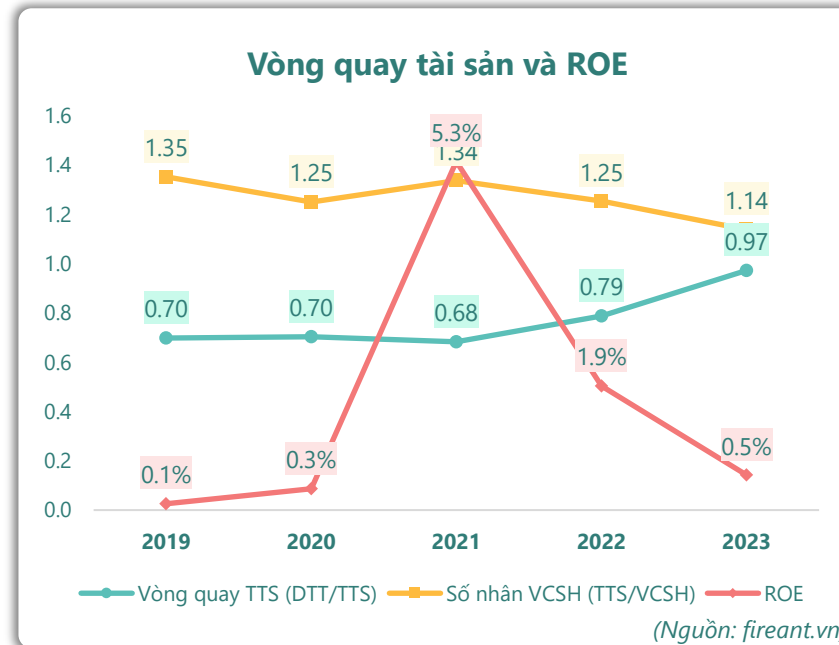
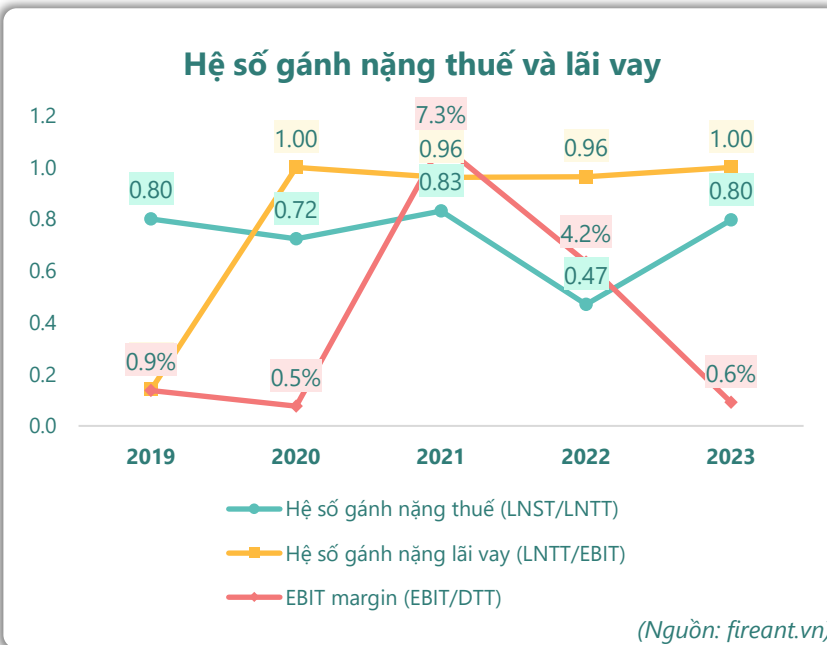
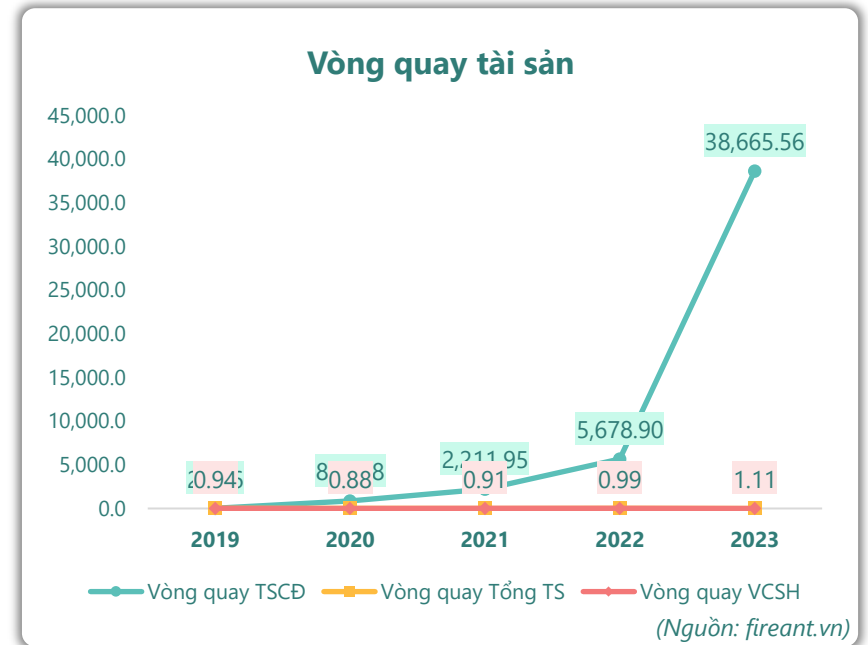
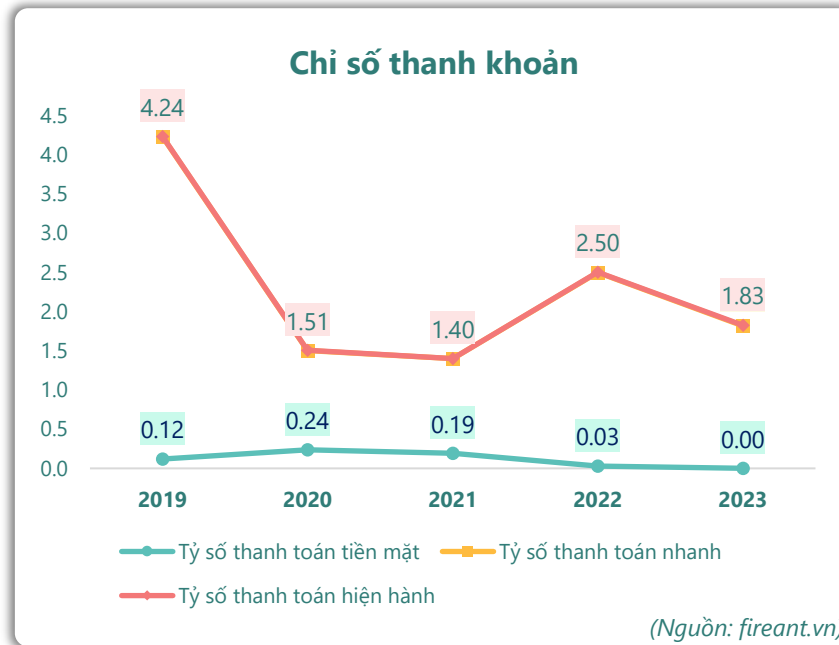
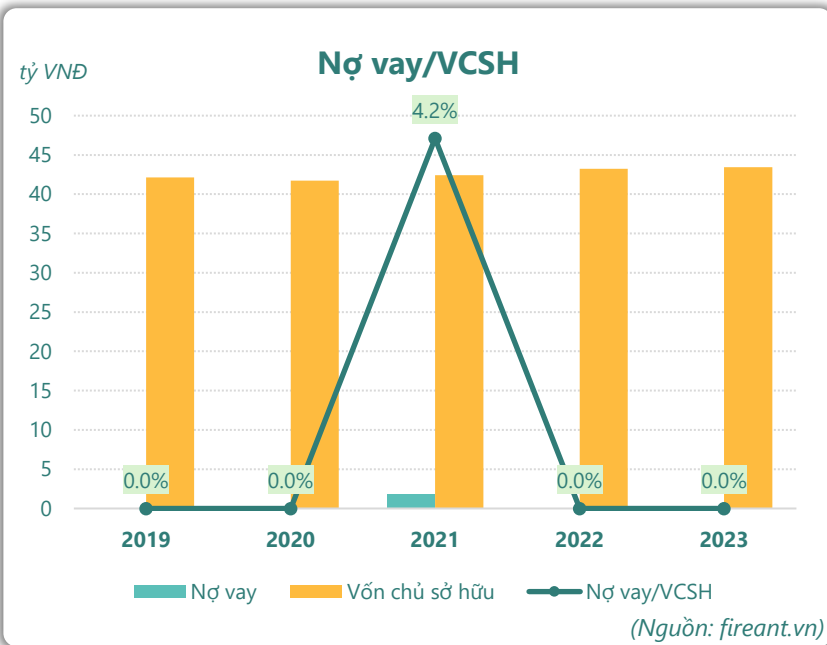
Nợ vay

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG





KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/23	Q4/22	Thay đổi YoY	2023	2022	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	13.3	12.2	9.3%	47.9	42.2	13.5%
Giá vốn hàng bán	12.7	11.6	9.5%	45.7	37.9	20.5%
Lợi nhuận gộp	0.63	0.55	14.2%	2.20	4.30	-48.8%
Doanh thu HĐTC	0.00	0.00		0.00	0.45	-99.8%
Chi phí TC	0	0.00		0	0.06	-100%
Chi phí lãi vay	0	0.00		0	0.06	-100%
LN trong công ty LKLD	0	0.00		0	0	
Chi phí bán hàng	0	0.00		0.85	0	
Chi phí QLDN	0.56	0.45	25.4%	1.08	1.89	-42.8%
LN thuần từ HĐKD	0.06	0.10	-35.9%	0.28	2.80	-90.1%
Lợi nhuận khác	0	0.00		0.01	-1.08	101%
LN trước thuế	0.06	0.10	-35.9%	0.29	1.72	-83.2%
Lợi nhuận sau thuế	0.05	0.08	-35.9%	0.23	0.81	-71.4%
LNST của CĐ cty mẹ	0.05	0.08	-35.9%	0.23	0.81	-71.4%

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q3/22	Q4/22	Q1/23	Q2/23	Q3/23	Q4/23
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	0.25	-1.30	32.4	-30.5	-0.01	30.0
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-0.23	0.00	5.70	-7.71	0	-30.0
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	0.00	0	0.00	0.00	0.00	0
Tiền đầu kỳ	1.43	1.45	0.15	38.2	0.01	0.00
Lưu chuyển tiền thuần	0.02	-1.30	38.1	-38.2	-0.01	0.00
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	1.45	0.15	38.2	0.01	0.00	0.01

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2023	Tại ngày 31/12/2022	Thay đổi
TỔNG TÀI SẢN	50.4	48.2	4.5%
Tài sản ngắn hạn	12.7	12.5	1.4%
Tiền và tương đương tiền	0.01	0.15	-95.3%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	4.64	6.27	-26.0%
Hàng tồn kho	0.07	0.03	154%
Tài sản ngắn hạn khác	7.97	6.07	31.3%
Tài sản dài hạn	37.7	35.7	5.6%
Phải thu dài hạn	0	30.0	-100%
Tài sản cố định	0	0.00	-100%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	37.7	5.70	562%
Tài sản dài hạn khác	0.00	0.00	-99.2%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	6.94	5.00	38.9%
Nợ ngắn hạn	6.94	5.00	38.9%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	4.98	3.81	30.8%
Nợ dài hạn	0	0	
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	43.5	43.2	0.5%
Vốn chủ sở hữu	43.5	43.2	0.5%
Vốn điều lệ	35.0	35.0	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

